ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2165 /QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 19 tháng 6 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Bình Định dưới hình thức trích "Bản sao y bản chính" theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Bình Định dưới hình thức trích "Bản sao y bản chính" theo Quyết định số 654/QĐ-BTP ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp *(Phụ lục 1 kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 01/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định *(Phụ lục 2 kèm theo).*

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC); - CT, các PCT UBND tỉnh; - Sở Tư pháp; - TT Công báo, TT Tin học tỉnh; - Lưu: VT, K2.	**KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** **Trần Châu**

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2165 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục thông báo có quốc tịch nước ngoài	Sở Tư pháp
2	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Sở Tư pháp
3	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	Sở Tư pháp
4	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Sở Tư pháp
5	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Sở Tư pháp
6	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Sở Tư pháp

Trang văn bản chỉ đạo điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục thông báo có quốc tịch nước ngoài

Trình tự thực hiện

- Trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày có quốc tịch nước ngoài, công dân Việt Nam hoặc cha mẹ, người giám hộ của người đó, nếu ở nước ngoài phải thông báo cho Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước nơi người đó đang có quốc tịch hoặc đang thường trú (trong trường hợp ở nước đó không có Cơ quan đại diện thì nộp hồ sơ tại Cơ quan đại diện nơi thuận tiện nhất); nếu ở trong nước, phải thông báo cho Sở Tư pháp nơi người đó đang cư trú.

- Khi nhận được thông báo có quốc tịch nước ngoài, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm ghi vào Sổ tiếp nhận việc thông báo có quốc tịch nước ngoài.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được thông báo có quốc tịch nước ngoài, cơ quan tiếp nhận thông báo ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh nếu việc đăng ký khai sinh trước đây được thực hiện tại cơ quan tiếp nhận thông báo. Trường hợp việc đăng ký khai sinh trước đây được thực hiện tại nơi khác thì cơ quan tiếp nhận thông báo phải có văn bản thông báo cho Sở Tư pháp hoặc cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, nơi trước đây đương sự đăng ký khai sinh để thực hiện ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Trường hợp cơ quan đã đăng ký khai sinh không còn lưu được Sổ đăng ký khai sinh trước đây thì cơ quan tiếp nhận thông báo lại cho Bộ Tư pháp.

Cách thức thực hiện: Công dân Việt Nam có quốc tịch nước ngoài thông báo trực tiếp hoặc gửi thông báo qua đường bưu điện đến cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (nếu đang cư trú ở nước ngoài), Sở Tư pháp (nếu đang cư trú ở trong nước).

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản thông báo có quốc tịch nước ngoài (theo mẫu quy định)

- Bản sao giấy tờ chứng minh có quốc tịch nước ngoài.

- Trường hợp nộp qua đường bưu điện thì nộp kèm theo bản sao giấy tờ tùy thân.

Số lượng hồ sơ: không quy định

Thời hạn giải quyết: 10 ngày

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Sở Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quốc tịch nước ngoài được ghi vào Sổ tiếp nhận việc thông báo có quốc tịch nước ngoài và ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.

Lệ phí: Không

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo có quốc tịch nước ngoài (Mẫu TP/QT-2010- TBCQTNN)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam có quốc tịch nước ngoài kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 và chưa mất quốc tịch Việt Nam

Căn cứ pháp lý:

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ.

- Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/ 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch.

Trang văn bản chỉ đạo điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Mẫu TP/QT-2010-TBCQTNN

Ảnh 4x6
(chụp chưa
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO CÓ QUỐC TỊCH NƯỚC NGOÀI

Kính gửi (1).....

Họ và tên (2).....

Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (3): .....

.....

Nơi đăng ký khai sinh (4):.....

.....

Hộ chiếu Việt Nam/giấy tờ hợp lệ thay thế (5):..... ..... số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:..... cơ quan cấp:.....

Địa chỉ cư trú hiện nay:.....

.....

Tôi có quốc tịch (6): .... từ ngày, tháng, năm:.....

Hộ chiếu nước ngoài/giấy tờ hợp lệ thay thế:..... ..... số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:..... cơ quan cấp:.....

Cách thức có quốc tịch nước ngoài (7):.....

.....

Tôi là công dân Việt Nam xin thông báo việc có quốc tịch nước ngoài như trên và xin cam kết việc đồng thời có quốc tịch nước ngoài của tôi không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Tôi cũng xin thông báo việc có quốc tịch nước ngoài của con chưa thành niên hoặc người được giám hộ hiện đang sinh sống cùng tôi có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Có quốc tịch nước nào, cách thức có quốc tịch nước ngoài

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

Người thông báo

(ký và ghi rõ họ tên)

Giấy tờ kèm theo:

-.....

-.....

- .....

-.....

Chú thích:

(1) Nếu ở trong nước thì gửi cho Sở Tư pháp của tỉnh/TP nơi cư trú; ở nước ngoài thì gửi cho Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước cư trú;

(2) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu Việt Nam/giấy tờ hợp lệ thay thế;

(3) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;

(4) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;

(5) Ghi rõ loại giấy tờ gì;

(6) Ghi rõ quốc tịch nước nào;

(7) Ghi rõ việc có quốc tịch nước ngoài do được nhập, từ khi sinh ra hoặc lý do khác.

Trang văn bản chỉ đạo điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

2. Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam

Trình tự thực hiện

- Khi có nhu cầu xác nhận là người gốc Việt Nam, người yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (trong trường hợp ở nước đó không có Cơ quan đại diện thì nộp hồ sơ tại Cơ quan đại diện kiêm nhiệm hoặc Cơ quan đại diện nơi thuận tiện nhất) hoặc Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Ngoại giao hay Sở Tư pháp nơi người đó cư trú.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam, cơ quan tiếp nhận hồ sơ xem xét các giấy tờ do người yêu cầu xuất trình và kiểm tra, đối chiếu cơ sở dữ liệu, tài liệu có liên quan đến quốc tịch (nếu có), nếu xét thấy có đủ cơ sở để xác định người đó có nguồn gốc Việt Nam thì cấp cho người đó Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu).

- Trường hợp không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu là người gốc Việt Nam, thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho người đó biết.

Cách thức thực hiện: Người có yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (nếu đang cư trú ở nước ngoài), đến Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Ngoại giao hoặc Sở Tư pháp (nếu đang cư trú ở trong nước).

Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu) kèm 02 ảnh 4x6;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch Việt Nam được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc có cha hoặc mẹ, ông nội hoặc bà nội, ông ngoại hoặc bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống;

- Giấy tờ có liên quan khác làm căn cứ để tham khảo gồm:

+ Giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch do các chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước mà người yêu cầu đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam;

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

+ Giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người yêu cầu có gốc Việt Nam;

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Ngoại giao hoặc Sở Tư pháp.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp

Cơ quan phối hợp: Không

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Lệ phí:

- Nếu nộp hồ sơ tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài: không phải nộp lệ phí

- Nếu nộp hồ sơ tại Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Ngoại giao hoặc Sở Tư pháp: 100.000 đồng

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (Mẫu TP/QT-2013-TKXNLNGVN).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

Căn cứ pháp lý:

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ.

Trang văn bản chỉ đạo điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an sửa đổi, bổ sung điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

TP/QT-2013-TKXNLNGVN

Ảnh 4x6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

TỜ KHAI XÁC NHẬN LÀ NGƯỜI GỐC VIỆT NAM

Kính gửi:.....

Họ và tên người yêu cầu: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi sinh: .....

Địa chỉ cư trú: .....

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): .....

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có): .....

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế: .....

số ....., cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

tại .....

Giấy tờ để chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống, giấy tờ chứng minh là con, cháu của người mà khi sinh ra có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống:

1) .....

2) .....

3).....

4) .....

5) .....

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ, tên)

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

3. Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam

Trình tự thực hiện

- Người nước ngoài và người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam tại Sở Tư pháp nơi cư trú.

- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ, nếu không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo ngay để người xin nhập quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; nếu thấy hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ thì ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam, đồng thời cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ theo mẫu quy định và phải được đóng dấu treo của Sở Tư pháp.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì gửi thông báo bằng văn bản cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam để làm thủ tục xin thôi quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài của người xin nhập quốc tịch Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam xin giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin nhập quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được nhập quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Sau khi có Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và trong thời hạn 10 ngày, Bộ Tư pháp gửi cho người được nhập bản sao Quyết định kèm theo bản trích sao danh sách những người được nhập quốc tịch, đồng thời gửi 01 bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch. Đồng thời, thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được nhập quốc tịch Việt Nam (nếu đăng ký khai sinh trong nước), hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh của chế độ cũ để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Nội dung ghi chú bao gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định. Cán bộ ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm thực hiện ghi chú.

Cách thức thực hiện: Người xin nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi cư trú.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam;

- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;

- Bản khai lý lịch;

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (gồm một trong các giấy tờ sau đây: bản sao bằng tốt nghiệp sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ chứng nhận trình độ tiếng Việt do cơ sở đào tạo tiếng Việt của Việt Nam cấp).

Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam khai báo biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam, nhưng không có một trong các giấy tờ nêu

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

trên, thì Sở Tư pháp tổ chức phỏng vấn trực tiếp để kiểm tra trình độ tiếng Việt của người đó. Kết quả phỏng vấn phải được lập thành văn bản; người trực tiếp phỏng vấn căn cứ vào tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 78/2009/NĐ-CP (biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam của người xin nhập quốc tịch Việt Nam được đánh giá trên cơ sở khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt với công dân Việt Nam trong cuộc sống, phù hợp với môi trường sống và làm việc của người đó) để đề xuất ý kiến và chịu trách nhiệm về ý kiến đề xuất của mình;

- Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú);

- Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy xác nhận mức lương hoặc thu nhập do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc cấp; giấy xác nhận của cơ quan thuế về thu nhập chịu thuế; giấy tờ chứng minh được sự bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người xin nhập quốc tịch Việt Nam về khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam của người đó).

- Trường hợp con chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam cùng cha mẹ thì phải nộp Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên hoặc giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì còn phải nộp văn bản thoả thuận của cha mẹ về việc nhập quốc tịch Việt Nam cho con.

Lưu ý: *Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là:*

- Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn chứng minh quan hệ hôn nhân;

- Người là cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con;

- Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải nộp bản sao Huân chương, Huy chương, giấy chứng nhận danh hiệu cao quý khác hoặc giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam;

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

- Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Người (là người có tài năng trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, thể thao) phải nộp giấy chứng nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, được cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận về việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển của một trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, thể thao.

Số lượng hồ sơ: 03 bộ

Thời hạn giải quyết: 135 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp.

Cơ quan phối hợp: Công an cấp tỉnh.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước

Lệ phí: 3.000.000 đồng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2010-ĐXNQT)

- Tờ khai lý lịch (Mẫu TP/QT- 2010 - TKLL)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Công dân nước ngoài và người không quốc tịch đang thường trú ở Việt Nam có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

+ Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam;

+ Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;

+ Đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;

+ Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

Trang văn bản chỉ đạo điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp: là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó); có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (là người có tài năng trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, thể thao, được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận việc nhập quốc tịch của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển trong các lĩnh vực nói trên của Việt Nam). Có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải có các điều sau đây:

+ Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;

+ Đã thường trú ở Việt Nam từ 5 năm trở lên tính từ ngày được cấp Thẻ thường trú;

+ Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

- Người được nhập quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người sau đây, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép:

+ Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;

+ Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;

+ Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên gọi Việt Nam. Tên gọi này do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của liên Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Mẫu TP/QT-2010- ĐXNQT.2

Ảnh 4 x 6 (Chụp chưa quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Dùng cho người xin nhập quốc tịch theo quy định của Điều 22 Luật Quốc tịch Việt Nam)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):.....

Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2): .....

.....

Nơi đăng ký khai sinh *(nếu có)* (3): .....

.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (*nếu có*):.....

Địa chỉ cư trú trước khi nhập cảnh vào Việt Nam (*nếu có*):.....

.....

.....

Địa chỉ nơi cư trú tại Việt Nam: .....

.....

.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc:.....

.....

Tôi đã sống ổn định tại Việt Nam từ .....đến ..... và không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh quốc tịch của mình. Do vậy, tôi làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....

.....

Tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là : .....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin thề trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây *(nếu có)*:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam	Ý kiến và chữ ký của con từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

- ....
- ....
- ....

....., ngày.. ... tháng ..... năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(1) Viết chữ in hoa;

(2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;

(3) *Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;*

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Mẫu TP/QT-2010-TKLL

Ảnh 4x6
(Chụp chưa quá
6 tháng)

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):.....

Giới tính : Nam: ☐ Nữ: ☐

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2): .....

Nơi đăng ký khai sinh (3): .....

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ..... Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp: .....

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay: .....

.....

.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc : ....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha : .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Quốc tịch: .....

Địa chỉ cư trú: .....

.....

Họ và tên mẹ : .....

Ngày, tháng, năm sinh :.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú : .....

.....

Họ và tên vợ /chồng : .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....

Quốc tịch : .....

Địa chỉ cư trú : .....

.....

Trang văn bản chỉ đạo điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Họ và tên con thứ nhất: .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....

Quốc tịch: .....

Địa chỉ cư trú: .....

.....

Họ và tên con thứ hai: .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....

Quốc tịch: .....

Địa chỉ cư trú: .....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(4) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
(5) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
(6) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
(7) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
(8) Ghi rõ loại giấy tờ gì.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

đủ điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Sau khi có Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và trong thời hạn 10 ngày, Bộ Tư pháp gửi cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định kèm theo bản trích sao danh sách những người được trở lại quốc tịch và gửi 01 bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch.

Trường hợp người được trở lại quốc tịch Việt Nam mà trước đó đã ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh việc thôi quốc tịch Việt Nam thì Bộ Tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được trở lại quốc tịch Việt Nam (nếu đăng ký khai sinh trong nước), hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh của chế độ cũ để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Nội dung ghi chú bao gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định. Cán bộ ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm thực hiện ghi chú.

Trường hợp trước đây đương sự đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã thì sau khi nhận được thông báo của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.

Trường hợp trước đây đương sự đã đăng ký khai sinh tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì thông báo được gửi cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, nơi đã đăng ký khai sinh; nếu Sổ đăng ký khai sinh đã chuyển lưu 01 quyển tại Bộ Ngoại giao thì cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thông báo tiếp cho Bộ Ngoại giao để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh được lưu tại Bộ Ngoại giao

Cách thức thực hiện:

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp nơi cư trú.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam;

- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;

- Bản khai lý lịch;

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (Các giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: bản sao Giấy khai sinh; bản sao Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam; giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó);

- Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam (Xin hồi hương về Việt Nam; Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam; Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Thực hiện đầu tư tại Việt Nam; Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài; giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục xin hồi hương về Việt Nam hoặc bản sao giấy tờ chứng nhận việc đầu tư tại Việt Nam).

- Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ cha hoặc mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thoả thuận của cha mẹ về việc trở lại quốc tịch Việt Nam của con.

Số lượng hồ sơ: 03 bộ

Thời hạn giải quyết: 85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp.

Cơ quan phối hợp: Công an cấp tỉnh.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước

Lệ phí: 2.500.000 đồng.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT- 2010- ĐXTLQT)

- Tờ khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2010-TKLL)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người đã mất quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 26 của Luật quốc tịch Việt Nam năm 2008 có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì có thể được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

+ Xin hồi hương về Việt Nam;

+ Có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam;

+ Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó);

+ Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (là người có tài năng trong các lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hoá, xã hội, nghệ thuật, thể thao, được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận việc trở lại quốc tịch của họ sẽ đóng góp cho sự phát triển trong các lĩnh vực nói trên của Việt Nam);

+ Thực hiện đầu tư tại Việt Nam (phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó);

+ Đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

- Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây.

- Người được trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người sau đây, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép:

+ Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam;

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

+ Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;

+ Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Giấy tờ có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch.

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của liên Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:ybdh.ubndbinhdinh.vn

Mẫu TP/QT-2010- ĐXTLQT

Ảnh 4 x 6 (Chụp chưa quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):.....

Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2): .....

Nơi đăng ký khai sinh (3): .....

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ..... Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp: .....

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (*nếu có*):.....

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh (*nếu có*):.....

.....

Địa chỉ nơi cư trú: .....

.....

.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc:.....

.....

Trước đây tôi đã có quốc tịch Việt Nam, nhưng đã mất quốc tịch Việt Nam từ ngày ..... tháng ..... năm .....

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (6):.....

.....

.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi làm đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

.....

.....

.....

Việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của tôi thuộc diện được miễn một số điều kiện (7):

.....

.....

.....

Tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là : .....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin thề trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên có tên dưới đây được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam *(nếu có)*:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Địa chỉ cư trú hiện nay	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Tên gọi Việt Nam	Ghi chú (8)

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Về quốc tịch hiện nay (9):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên *(nếu có)*: ☐	Tôi tự xét thấy mình và con chưa thành niên nêu trên *(nếu có)* thuộc trường hợp đặc biệt: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép được trở lại quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay: ....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

- .....
- .....
- .....

....., ngày .. ... tháng ..... năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(9) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
(10) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
(11) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
(12) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
(13) Ghi rõ loại giấy tờ gì;
(14) Ghi rõ mất quốc tịch Việt Nam trong trường hợp nào;
(15) Nêu rõ trường hợp được miễn theo quy định nào của Luật Quốc tịch Việt Nam.
(16) Ghi rõ trở lại hay nhập quốc tịch Việt Nam;
(17) Đánh dấu "X" vào 1 trong 2 lựa chọn.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Mẫu TP/QT-2010-TKLL

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4x6
(Chụp chưa quá 6 tháng)

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):.....

Giới tính : Nam: ☐ Nữ: ☐

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2): .....

Nơi đăng ký khai sinh (3): .....

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ..... Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp: .....

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay: .....

.....

.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc : ....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha : .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Quốc tịch: .....

Địa chỉ cư trú: .....

.....

Họ và tên mẹ : .....

Ngày, tháng, năm sinh :.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú : .....

.....

Họ và tên vợ /chồng : .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....

Quốc tịch : .....

Địa chỉ cư trú : .....

.....

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Họ và tên con thứ nhất: .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....

Quốc tịch: .....

Địa chỉ cư trú: .....

.....

Họ và tên con thứ hai: .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....

Quốc tịch: .....

Địa chỉ cư trú: .....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(18) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
(19) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
(20) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
(21) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
(22) Ghi rõ loại giấy tờ gì.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

5. Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước

Trình tự thực hiện

- Người xin thôi quốc tịch Việt Nam phải nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp nơi cư trú.

- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ, nếu không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo ngay để người xin thôi quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; nếu thấy hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ thì ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam, đồng thời cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ theo mẫu quy định và phải được đóng dấu treo của Sở Tư pháp.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm:

+ Đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử ở địa phương trong ba số liên tiếp và gửi đăng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Thông báo trên Trang thông tin điện tử phải được lưu giữ trong thời gian ít nhất 30 ngày, kể từ ngày đăng thông báo.

+ Đề nghị cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh về nhân thân của người xin thôi quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, cơ quan Công an cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp. Trong thời gian này, Sở Tư pháp phải tiến hành thẩm tra giấy tờ trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh, Sở Tư pháp có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ, nếu xét thấy người xin thôi quốc tịch Việt Nam có đủ điều kiện được thôi quốc tịch Việt Nam thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

- Sau khi có Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo, Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

tử của Bộ Tư pháp và trong thời hạn 10 ngày, Bộ Tư pháp gửi cho người được thôi quốc tịch Việt Nam bản sao Quyết định kèm theo bản trích sao danh sách những người được thôi quốc tịch, gửi 01 bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ để theo dõi, quản lý, thống kê các việc đã giải quyết về quốc tịch. Đồng thời, thông báo cho Sở Tư pháp, nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được thôi quốc tịch Việt Nam (nếu đăng ký khai sinh trong nước), hoặc nơi lưu trữ Sổ đăng ký khai sinh của chế độ cũ để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh. Nội dung ghi chú bao gồm: số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành Quyết định; nội dung Quyết định. Cán bộ ghi chú phải ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm thực hiện ghi chú.

Trường hợp trước đây đương sự đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì sau khi nhận được thông báo của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.

Trường hợp trước đây đương sự đã đăng ký khai sinh tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì thông báo được gửi cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, nơi đã đăng ký khai sinh; nếu Sổ đăng ký khai sinh đã chuyển lưu 01 quyển tại Bộ Ngoại giao thì cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm thông báo tiếp cho Bộ Ngoại giao để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh được lưu tại Bộ Ngoại giao.

Cách thức thực hiện:

- Người xin thôi quốc tịch Việt Nam phải nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Tư pháp.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam;

- Bản khai lý lịch;

- Bản sao Hộ chiếu Việt Nam, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ khác quy định tại Điều 11 của Luật quốc tịch năm 2008;

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Giấy tờ xác nhận về việc người đó đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này (Giấy tờ xác nhận việc người xin thôi quốc tịch Việt Nam đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận hoặc bảo đảm cho người đó được nhập quốc tịch nước ngoài, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định về việc cấp giấy này. Trường hợp người xin thôi quốc tịch Việt Nam đã có quốc tịch nước

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

ngoài thì nộp bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ tuỳ thân khác do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp để chứng minh người đó đang có quốc tịch nước ngoài).

- Giấy xác nhận không nợ thuế do Cục thuế nơi người xin thôi quốc tịch Việt Nam cư trú cấp;

- Đối với người trước đây là cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã nghỉ hưu, thôi việc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên chưa quá 5 năm thì còn phải nộp giấy xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đã ra quyết định cho nghỉ hưu, cho thôi việc, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc giải ngũ, phục viên xác nhận việc thôi quốc tịch Việt Nam của người đó không phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

Số lượng hồ sơ: 03 bộ

Thời hạn giải quyết: 75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp.

Cơ quan phối hợp: Công an cấp tỉnh.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép thôi quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước

Lệ phí: 2.500.000 đồng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2010-ĐXTQT.1)

- Đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam *(Dùng cho người giám hộ làm đơn xin cho người được giám hộ)* (Mẫu TP/QT-2010-ĐXTQT.2)

- Tờ khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2010-TKLL)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người xin thôi quốc tịch Việt Nam chưa được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

+ Đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam;

+ Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

+ Đang chấp hành bản án, quyết định của Toà án Việt Nam;

+ Đang bị tạm giam để chờ thi hành án;

+ Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng.

- Người xin thôi quốc tịch Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

- Cán bộ, công chức và những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam.

- Giấy tờ có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận các việc về quốc tịch.

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của liên Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Ảnh 4 x 6
(Chụp chưa
quá 6 tháng)

Mẫu TP/QT-2010- ĐXTQT.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên (1):.....

Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2): .....

Nơi đăng ký khai sinh (3): .....

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ..... Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp: .....

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (*nếu có*):.....

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (*nếu có*):.....

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay: .....

.....

.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc:.....

.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được thôi quốc tịch Việt Nam.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

.....

.....

.....

Tôi cũng xin cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây được thôi quốc tịch Việt Nam *(nếu có)*:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Nơi đăng ký khai sinh	Ngày, tháng, năm xuất cảnh *(nếu có)*

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

- ....
- ....
- ....

....., ngày.. ... tháng ..... năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(1) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;

(2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;

(4) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;

(5) Ghi rõ loại giấy tờ gì;

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Mẫu TP/QT-2010- ĐXTQT.2

Ảnh 4 x 6 (Của người chưa thành niên chụp chưa quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Dùng cho người giám hộ làm Đơn xin cho người được giám hộ)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ và tên người giám hộ làm Đơn (1):.....

Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2): .....

Quốc tịch hiện nay (3):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (4): ..... Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp: .....

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay: .....

.....

.....

Quan hệ giữa người giám hộ làm Đơn và người được giám hộ: .....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người được giám hộ có tên sau đây được thôi quốc tịch Việt Nam:

Họ và tên người xin thôi quốc tịch Việt Nam :.....

Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh: .....

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Nơi đăng ký khai sinh (5): .....

Quốc tịch hiện nay:.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế: ..... Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp: .....

.....

Ngày, tháng, năm xuất cảnh khỏi Việt Nam (*nếu có*):.....

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (*nếu có*):.....

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay: .....

.....

Lý do xin thôi quốc tịch Việt Nam:

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

Giấy tờ kèm theo:

- .....
- .....
- .....

....., ngày .. ... tháng ..... năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(1) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;

(2) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;

(3) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;

(4) Ghi rõ loại giấy tờ gì;

(5) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Mẫu TP/QT-2010-TKLL

CỘNG HOÀ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4x6
(Chụp chưa quá 6 tháng)

TỜ KHAI LÝ LỊCH

Họ và tên (1):.....

Giới tính : Nam: ☐ Nữ: ☐

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2): .....

Nơi đăng ký khai sinh (3): .....

Quốc tịch hiện nay (4):.....

Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế (5): ..... Số:.....

Cấp ngày, tháng, năm:....., Cơ quan cấp: .....

.....

Địa chỉ cư trú hiện nay: .....

.....

.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc : ....

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(Từ trước tới nay, sinh sống, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

TÓM TẮT VỀ GIA ĐÌNH

Họ và tên cha : .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Quốc tịch: .....

Địa chỉ cư trú: .....

.....

Họ và tên mẹ : .....

Ngày, tháng, năm sinh :.....

Quốc tịch:.....

Địa chỉ cư trú : .....

.....

Họ và tên vợ /chồng : .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....

Quốc tịch : .....

Địa chỉ cư trú : .....

.....

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Họ và tên con thứ nhất: .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....

Quốc tịch: .....

Địa chỉ cư trú: .....

.....

Họ và tên con thứ hai: .....

Ngày, tháng, năm sinh : .....

Nơi sinh:.....

Quốc tịch: .....

Địa chỉ cư trú: .....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(23) Viết chữ in hoa theo Hộ chiếu/giấy tờ hợp lệ thay thế;
(24) Ghi địa danh hành chính hoặc tên cơ sở y tế;
(25) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh;
(26) Trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch;
(27) Ghi rõ loại giấy tờ gì.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

6. Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước

Trình tự thực hiện

- Khi có nhu cầu xác nhận có quốc tịch Việt Nam, người yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Tư pháp nơi cư trú.

- Đối với trường hợp có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam:

+ Sở Tư pháp kiểm tra, đối chiếu danh sách những người đã được thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tư pháp xem xét và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu).

- Đối với trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam:

+ Trường hợp không có đủ giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam, Sở Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp và Công an cấp tỉnh nơi người yêu cầu đang cư trú hoặc nơi thường trú cuối cùng của người đó ở Việt Nam tiến hành xác minh.

+ Trường hợp nghi ngờ tính xác thực của giấy tờ trong hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan tra cứu, kiểm tra, xác minh;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tra cứu, kiểm tra, xác minh, Bộ Tư pháp hoặc cơ quan, tổ chức liên quan có văn bản trả lời. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, kiểm tra, xác minh, Sở Tư pháp xem xét và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu) nếu xác định được người yêu cầu đang có quốc tịch Việt Nam.

+ Trường hợp sau khi tiến hành tra cứu, kiểm tra, xác minh, vẫn không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam thì Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho người đó biết.

Cách thức thực hiện: Người yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Tư pháp.

Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch:

+ Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu) kèm 02 ảnh 4x6;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

+ Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam được quy định tại Điều 11 Luật

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

Quốc tịch Việt Nam năm 2008 hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nếu trên đó ghi họ tên Việt Nam (họ tên người yêu cầu, họ tên cha, mẹ);

- *Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch:*

+ Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (theo mẫu) kèm 02 ảnh 4x6;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

+ Tờ khai lý lịch và các giấy tờ để phục vụ việc xác minh về quốc tịch, gồm: Bản sao các giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch của ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em ruột, con; Bản sao giấy tờ có nội dung liên quan đến quốc tịch của đương sự do chế độ cũ cấp trước ngày 30 tháng 4 năm 1975; Bản sao giấy tờ trên đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc đối với trường hợp có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam

- 15 ngày làm việc đối với trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền).

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tư pháp

Cơ quan phối hợp: Bộ Công an, Bộ Tư pháp, cơ quan, tổ chức có liên quan.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.

Lệ phí: 100.000 đồng

Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2013-TKXNCQTVN).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

Căn cứ pháp lý:

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ.

- Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an sửa đổi, bổ sung điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 1/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

TP/QT-2013-TKXNCQTVN

Ảnh 4x6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

TỜ KHAI XÁC NHẬN CÓ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi:.... *(tên cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ)*

Họ và tên người yêu cầu: ..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi sinh: .....

Địa chỉ cư trú: .....

Nơi thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): .....

.....

Quốc tịch nước ngoài (nếu có): .....

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế: .....

số ....., cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

tại .....

Giấy tờ chứng minh hiện nay đang có quốc tịch Việt Nam kèm theo:

1) .....

2) .....

3) .....

4) .....

5) .....

Đề nghị Quý Cơ quan cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam.
Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình./.

NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ, tên)

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn

PHỤ LỤC 2

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2165 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC
1	T-BDI-190081-TT	Thông báo có quốc tịch nước ngoài
2	T-BDI-190109-TT	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam
3	T-BDI-190694-TT	Nhập quốc tịch Việt Nam
4	T-BDI-190722-TT	Trở lại Quốc tịch Việt Nam
5	T-BDI-190724-TT	Thôi Quốc tịch Việt Nam (Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước)
6	T-BDI-190743-TT	Cấp Giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam

Trang văn bản chỉ đạo,điều hành:vbdh.ubndbinhdinh.vn